

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Luân
- Ông Nguyễn Hữu Long

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2024/TLST-DS ngày 20/12/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 11/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2025/QĐST-DS ngày 11/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: : Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, Phường B, Quận A, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, TP .; Giấy uỷ quyền ngày 02/04/2024 từ Công ty L. (Công ty L Niềm Tin được Công ty T (Việt Nam) uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 96/2024/GUQ-MAFC ngày 02/4/2024).

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: 179 T, Xóm C, Phường A, Quận D, TP .

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Công ty T (Việt Nam) (sau đây viết tắt là Công ty) có bà Lâm Thị Thùy D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/7/2022 Công ty T (Việt Nam) ký hợp đồng tín dụng số: 3437607 về việc cấp tín dụng cho bà Trịnh Thị Kim N với khoản vay trị giá 42.640.000 đồng.

Sau khi được giải ngân, từ ngày 27/8/2023 bà Trịnh Thị Kim N đã không thanh toán/ thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân.

Tính đến ngày 10/4/2025 bà Trịnh Thị Kim N đã trễ hạn khbà Ngân toán các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.101.555 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 5.815.728 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 18.037.298 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 730.115 đồng.

Như vậy tính đến ngày 10/4/2025 tổng số tiền bà Trịnh Thị Kim N phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí) là: 50.684.696 đồng.

Yêu cầu giải quyết:

Buộc bà Trịnh Thị Kim N thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T (Việt Nam) với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí), tạm tính đến ngày 10/4/2025 là: 50.684.696 đồng. Đồng thời thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 11/4/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Bị đơn là bà Trịnh Thị Kim N vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bà N cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của bà N. Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận D thì “Trịnh Thị Kim N, sinh năm: 1983 có HKTT tại A T, Xóm C, Phường A, Quận D, TP . nhưng hiện không thực tế cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ”.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Trịnh Thị Kim N thanh toán số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3437607 ngày 26/7/2022 (sau đây gọi là “Hợp đồng”), nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng; bà Trịnh Thị Kim N có hộ khẩu thường trú tại Quận D. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Do xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 26/7/2022, bà Trịnh Thị Kim N có ký với Công ty T (Việt Nam) Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3437607. Thực hiện hợp đồng, ngày 28/7/2022 Công ty đã giải ngân cho bà N số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà N số 0921000715678, mở tại Ngân hàng TMCP N1 (VCB) theo Phiếu báo nợ số giao dịch FT22209043428360 ngày 28/7/2022 của Ngân hàng TMCP K. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi quá hạn:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu có trong hồ sơ như: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3437607 ngày 26/7/2022, Phiếu báo nợ số giao dịch FT22209043428360 ngày 28/7/2022 của Ngân hàng TMCP K, Báo

cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng, đủ cơ sở xác định bà N còn nợ Công ty tạm tính đến ngày 10/4/2025 số tiền là 50.684.696 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.101.555 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 5.815.728 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 18.037.298 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 730.115 đồng.

Căn cứ vào Điều 8 của Hợp đồng thì bà N có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tiền lãi và các nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ và đúng hạn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/4/2025 số tiền là 50.684.696 đồng là có cơ sở chấp nhận

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu kể từ ngày 11/4/2025 bà Trịnh Thị Kim N còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi, phí trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Yêu cầu này của Công ty là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và thỏa thuận giữa các bên nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do bà N có nghĩa vụ trả tiền nên bà N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả. H1 lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đình chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty T (Việt Nam).

Buộc bà Trịnh Thị Kim N thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tạm tính đến ngày 10/4/2025 số tiền là 50.684.696 (Bằng chữ: Năm mươi triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.101.555 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 5.815.728 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 18.037.298 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 730.115 đồng.

Kể từ ngày 11/4/2025 bà Trịnh Thị Kim N còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi, phí trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận do các bên ký kết tại Hợp đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.534.235 đồng.

Công ty T (Việt Nam) được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 902.000 (Chín trăm lẻ hai nghìn) đồng theo biên lai số 0006893 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Bích Phượng